

Bản án số: 14/2021/HSST
Ngày: 17/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa P1ên tòa:* Bà **Lê Thanh Trúc**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Lý Hồng Hạnh**

2/ Ông **Lê Hoàng Long**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản P1ên tòa:* Ông **Nguyễn Phục Hưng** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tham gia P1ên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Bích Liên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2021/HSST ngày 09/02/2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T; giới tính: Nam; sinh ngày 02 tháng 8 năm 1989; nơi cư trú: ấp Trường Lợi, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 11/12; con ông Phạm Văn Hón và bà Hồ Thị Nga; vợ: Đặng Trần Như Ý, có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: chưa; bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2020 (có mặt).

2. Trần Văn V; giới tính: Nam; sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Trường Hòa, xã Trường Long, huyện Phong Điền, TP Cần Thơ; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; con ông Trần Văn Mười và bà Đặng Thị Màu; vợ: Trần Thị Kiều, có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: chưa; bị bắt tạm giam từ ngày 20/11/2020 (có mặt).

3. Trần Văn P; giới tính: Nam; sinh ngày 26 tháng 9 năm 1989; nơi cư trú: ấp Phú Hưng, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Văn Sửu và bà Trần Thị Hoa; vợ: Phạm Tuyết Nhi, có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Nguyễn Hoàng P1; giới tính: Nam; sinh ngày 28 tháng 12 năm 2002; nơi cư trú: ấp Trường Hưng, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; con ông Nguyễn Văn Út và bà Phạm Thị Hở; tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh V: Luật sư **Trần Vũ Thanh T2** và Luật sư **Trần Văn Á** – Văn phòng luật sư Lê Khanh thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: 116 Tầm Vu, phường Hưng Lợi, Q Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng P1: Trợ giúp viên pháp lý **Nguyễn Thị Xuân Thu** – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước TP. Cần Thơ. (xin vắng)

Người bị hại:* Anh **Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 16/10/2001.

Địa chỉ: ấp Trường Phú A, xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Đặng Trần Như Y**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp Trường Lợi, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Chị **Phạm Tuyết N**, sinh năm 1986.

3. **Phạm Thành N1**, sinh ngày 24/5/2004

Cùng địa chỉ: ấp Trường Lợi, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Người giám hộ của Phạm Thành Nhân (Mẹ của Nhân): Chị **Phạm Tuyết N**, sinh năm 1986.

4. Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp Trường Hòa, xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 ngày 01/5/2020, P1 chở N đến nhà M1 ở ấp Thanh Nhung, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai tổ chức uống bia cùng với nhóm bạn của My, trong đó có T2. Nhân và T2 cự cãi đánh nhau, T2 gọi điện cho Tiến nói bị Nhân đánh và kêu nhóm của Tiến gồm Tiến, T1, L, Tới, Toàn, Thái. Nhân điện thoại cho cậu ruột là Phạm Văn T nói là bị chặn đường. T gọi điện cho V đi giải vây cho Nhân thì V đồng ý. Lúc này, V đang uống rượu ở nhà Trung, V lấy cây dao Thái Lan (cán gỗ màu nâu dài 7cm, lưỡi 8cm mũi nhọn) để trong sọt trái

cây, cất vào túi quần rồi đến quán của T để cùng đi. Thời gian này, Tây đến tiệm của T thì nghe được chuyện Nhân đang bị chặn đường. Sau đó, T gọi điện cho P thì P đến, P nghe sự việc và đồng ý đi cùng. Khi đến chợ Bà Đàm thuộc ấp Trường Thọ, xã Trường Xuân là khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày. Lúc này nhóm của T1 cũng chạy đến, N cự cãi qua lại và cầm nón bảo hiểm đánh L trước, L dùng nón bảo hiểm đánh lại. P1 thấy L đánh N nên P1 cầm nón bảo hiểm đánh vào đầu và mặt của L. P và V bị nhóm của T1 đánh nên P và V cũng cầm nón bảo hiểm đánh lại nhưng không xác định được là đánh trúng người nào. Sau đó, L bỏ chạy lên cầu, T3, T4 bỏ chạy xuống dĩa cầu, Tới chạy xe về, T5 có can ngăn P1 lúc P1 cầm nón bảo hiểm đánh T1. Trong lúc đánh nhau thì T có cầm nón bảo hiểm đánh T1 trúng 2 – 3 cái vào đầu, T1 có đánh lại trúng vào mặt T một cái, T câu cổ T1 vật té xuống lan can cầu. Nhân tiếp tục cầm nón bảo hiểm đánh trúng vào vai phải T1 làm T1 té ngã. Sau đó, T và T1 ôm vật đánh nhau phía dưới đường mòn cầu, nghe nhiều người lên nên T buông T1 ra. Khi T1 leo lên cầu thì V dùng tay phải nắm cổ áo T1, đứng phía trước chéch bên trái, dùng tay trái cầm dao Thái Lan đưa vào mặt trái T1 đe dọa, P đứng bên phải dùng tay đánh vào vai và mặt T1, T đứng bên trái dùng tay đánh T1 thì T1 vùng vẫy bị thương tích ở vùng mặt trái và cổ. Sau khi gây thương tích thì T chạy xe chở P, Nhân chạy xe chở P1, V chạy một xe, Tây chạy một xe về quán của T, V có vứt bỏ cây dao ở bụi cỏ bên hông quán.

Tại giấy chứng nhận thương tích số: 73/CN-BVĐKTP ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ ghi nhận thương tích Nguyễn Ngọc T1 như sau: 01 vết thương vùng mặt trái phức tạp dài # 7cm, chảy máu nhiều; 01 vết thương phức tạp vùng cổ trái # 4cm chảy máu kèm phù nề vùng cổ trái khoảng 2x3cm; 01 vết thương ngón 3 bàn tay phải # 1cm sắc gọn (Bút lục 86). Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 110/TgT ngày 08/7/2020 của Trung tâm pháp y thành phố Cần Thơ kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Nguyễn Ngọc T1 là 24% (Hai mươi bốn phần trăm) (Bút lục 119-120).

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSTL ngày 08/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai đã truy tố Phạm Văn T, Trần Văn V, Trần Văn P và Nguyễn Hoàng P1 có hành vi phạm tội và lý lịch nêu trên ra trước Tòa án nhân dân huyện Thới Lai để xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại P1ên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng khoản 2 Điều 134 (với tình tiết định khung tại điểm a và điểm i khoản 1

Điều 134) đối với các bị cáo; áp dụng Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, V, P; áp dụng Điều 17, 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P1; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đối với bị cáo T, quá trình điều tra, Phạm Văn T nhiều lần không chấp hành giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, lời khai còn nhiều mâu thuẫn gây khó khăn, kéo dài thời hạn điều tra nên đề nghị không cho bị cáo hưởng tình tiết tại điểm s khoản 1 Điều 51, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù; áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V và bị cáo P, mức án đề nghị đối với bị cáo V từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù, bị cáo P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; đối với bị cáo P1 khi phạm tội, bị cáo chưa thành niên nên đề nghị áp dụng Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 cái nón bảo hiểm màu trắng lưỡi trai màu trắng của T1; 01 cái nón màu trắng lưỡi trai màu đen của bị can P1; 01 cái nón bảo hiểm màu vàng lưỡi trai màu đen, 01 cái nón bảo hiểm màu đen lưỡi trai màu đen.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 ĐTDĐ hiệu OPPO X9006, số imei: - 654308 của bị cáo T; 01 ĐTDĐ Samsung, model: SM-G531H/DS, số imei: 03079/0 của Phạm Thành Nhân; 01 ĐTDĐ Nokia, model: TA-1010, số imei: -766664 của bị cáo V; 01 ĐTDĐ Nokia màu đen, model: TA-1010, số imei: - 173866 của bị cáo P.

Người bào chữa cho bị cáo V: thống nhất với tội danh Viện kiểm sát truy tố bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt đề nghị từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ lỗi của phía bị hại, N là cháu của bị cáo V nên bị cáo chỉ tham gia để giải cứu cho N, bị cáo dùng dao để đe dọa nhưng do phản xạ tự nhiên của phía bị hại đã dẫn đến thương tích, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý gián tiếp nên không áp dụng tình tiết tăng nặng có tính chất côn đồ đối với bị cáo V. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, bị cáo là lao động chính, vợ bị cáo đang mang thai nên đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Nội dung bào chữa của Người bào chữa cho bị cáo P1: thống nhất với tội danh Viện kiểm sát truy tố bị cáo. Bị cáo P1 phạm tội là do nguyên nhân khách quan, vì bệnh vực anh em, bị cáo không mâu thuẫn với bị hại, bị cáo phạm tội khi chưa thành niên. Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo P1 là

đồng phạm giản đơn. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, cha bị cáo là bộ đội xuất ngũ, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại đã được khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn xin bãi nại cho các bị cáo, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn được quy định tại điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đồng thời áp dụng Điều 54, 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo P1 được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thới Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận đã cùng nhau gây thương tích cho bị hại. Bị cáo V là người trực tiếp dùng dao gây thương tích cho vùng mặt và cổ của Nguyễn Ngọc T1 với tỷ lệ thương tích là 24%. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với thời gian, vật chứng thu giữ, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở khẳng định các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai đã truy tố.

Trong vụ án còn có các đối tượng Phạm Thành N, sinh ngày 24/5/2004, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Quốc T2, Trần Thanh T6, Trần Minh L, Nguyễn Văn T7, Lê Văn T3, Nguyễn Hoàng T4, cơ quan điều tra đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính phù hợp.

[3] Xét tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Phía bị cáo T và bị cáo V đã bồi thường cho người bị hại xong nên hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hậu quả nghiêm trọng và ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe của bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh xã hội, gây mất trật tự của địa phương. Chỉ vì nguyên nhân Phạm Thành N bị chặn đường mà rủ rê nhau gây thương tích cho người khác, do đó cần xử lý nghiêm, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến thương tích cũng có phần lỗi từ phía bị hại, hơn nữa các bị cáo cũng có những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do vậy cần giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo T là người chủ mưu, xúi giục bị cáo V, bị cáo P đi gây thương tích, các bị cáo không có sự bàn bạc, tính toán trước nhưng khi các bị cáo cùng gây thương tích cho bị hại thì đã có sự câu kết, hỗ trợ lẫn nhau nên là đồng phạm. Vai trò của bị cáo T là đầu vụ, bị cáo V là người trực tiếp dùng hung khí là con dao gây thương tích vùng cổ, mặt của bị hại nên hình phạt được áp dụng cho hai bị cáo sẽ nghiêm khắc hơn, bị cáo P và bị cáo P1 với vai trò giúp sức, hỗ trợ các bị cáo để cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo P1 phạm tội khi chưa thành niên nên cần áp dụng Điều 101 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp. Người bào chữa của bị cáo V, bị cáo P1 đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo V, bị cáo P1 được hưởng án treo là không phù hợp với chính sách hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận xong số tiền bồi thường từ gia đình bị cáo T 30.000.000đồng, bị cáo P, bị cáo V 20.000.000đồng, tổng cộng là 50.000.000đồng và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 cái nón bảo hiểm màu trắng lưỡi trai màu trắng của T1; 01 cái nón màu trắng lưỡi trai màu đen của bị can P1; 01 cái nón bảo hiểm màu vàng lưỡi trai màu đen, 01 cái nón bảo hiểm màu đen lưỡi trai màu đen.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước những tang vật liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo: 01 ĐTDĐ hiệu OPPO X9006, số imei: -654308 của bị cáo T; 01 ĐTDĐ Samsung, model: SM-G531H/DS, số imei: 03079/0 của Phạm Thành N; 01 ĐTDĐ Nokia, model: TA-1010, số imei: -766664 của bị cáo V; 01 ĐTDĐ Nokia màu đen, model: TA-1010, số imei: - 173866 của bị cáo P.

[7] Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 22 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Phạm Văn T, Trần Văn V, Trần Văn P và Nguyễn Hoàng P1 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 24/8/2020.

Áp dụng khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 20/11/2020.

Áp dụng khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn P 02 (hai) năm tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P1 01 (một) năm tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị cáo và người bị hại đã thỏa T bồi thường xong.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy: 01 cái nón bảo hiểm màu trắng lưỡi trai màu trắng của T1; 01 cái nón màu trắng lưỡi trai màu đen của bị can P1; 01 cái nón bảo hiểm màu vàng lưỡi trai màu đen, 01 cái nón bảo hiểm màu đen lưỡi trai màu đen.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 ĐTDĐ hiệu OPPO X9006, số imei: - 654308 của bị cáo T; 01 ĐTDĐ Samsung, model: SM-G531H/DS, số imei: 03079/0 của Phạm Thành Nhân; 01 ĐTDĐ Nokia, model: TA-1010, số imei: -766664 của bị cáo V; 01 ĐTDĐ Nokia màu đen, model: TA-1010, số imei: - 173866 của bị cáo P.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; các bị cáo Phạm Văn T, Trần Văn V, Trần Văn P và Nguyễn Hoàng P1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên

án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc